

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2024
V/v Kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Trục
- Bà Trần Thị Bích Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Kiện ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Xuân Đ, sinh năm: 1968; có mặt.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm: 1974; có mặt.

Đều trú tại: Số A Kiệt B C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Xuân Đ trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/10/1996. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ cuối năm 2022, bà H tự ý liên kết để làm ăn kinh doanh bên ngoài mà không bàn bạc với ông, bà H cũng tự vay mượn tiền số tiền lớn của Ngân hàng và nhiều cá nhân khác mà không trao đổi, thống nhất với ông và sau đó bà không có khả năng trả nợ. Các chủ nợ của bà H đến đòi nợ ông hàng ngày, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của ông. Ngoài ra, thời gian

gần đây bà H tham gia sinh hoạt theo một tổ chức không rõ ràng, bà thường xuyên đưa tài liệu liên quan đến tổ chức này về nhà đọc và học; Công an phường T đã có mời bà H đến làm việc nhưng bà vẫn tiếp tục sinh hoạt theo tổ chức này; ông đã can ngăn, phân tích nhưng bà H vẫn không chịu từ bỏ. Ông nhận thấy bà H không trung thực trong cuộc sống hôn nhân, ông mất niềm tin và không chấp nhận người vợ như vậy. Từ cuối tháng 9/2023 cho đến nay, ông bà sống ly thân, việc ai người đó làm, không sinh hoạt, ăn uống chung với nhau; không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Hiện ông không còn tình cảm với bà H, không yên tâm khi chung sống với bà H nữa, đời sống chung không thể duy trì được nên ông yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông Hoàng Xuân Đ xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Hải B, sinh ngày 18/10/1995 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/7/2003. Các con của ông bà đều đã thành niên, có sức khỏe tốt và có cuộc sống tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 28/5/2024, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày:*

Bà thừa nhận giữa bà và ông Hoàng Xuân Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/1996 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà làm ăn kinh doanh thất bại và phát sinh nợ nần. Điều đó là ngoài mong muốn của bà và bà nghĩ ông Đ cũng không giải quyết được nên bà phải liều lĩnh vay tiền để trang trải các khoản nợ. Còn việc bà tham gia tổ chức có tên là “Cộng đồng gia đình tổ chức bền vững” không phải là tổ chức phi pháp, tổ chức này có thành viên rất đông; bà chỉ sinh hoạt trên zoom một nhóm khoảng 100 người, nó giúp sửa đổi, hoàn thiện bản thân chứ không có gì sai trái. Từ cuối tháng 9/2023, khi bà vỡ nợ thì tình trạng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, ông Đ tạo khoảng cách lớn giữa vợ chồng nên ông bà không còn ăn uống, sinh hoạt chung với nhau nữa. Bà đã nhiều lần tìm cách để trao đổi, giải quyết tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ cương quyết không hợp tác. Bà nhận thấy vẫn còn tình cảm với ông Đ và mong muốn vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, bà không đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 02 người con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con đúng như ông Đ đã trình bày. Bà đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con do các con của ông bà đều đã thành niên, có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Bà thống nhất với ý kiến của ông Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Hoàng Xuân Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Thu H. Về con chung: Các con chung của ông Đ và bà H đã thành niên, ông bà không có yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Xuân Đ kiện ly hôn với bị đơn bà Đỗ Thị Thu H. Bà H có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Xuân Đ và bà Đỗ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/10/1996. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Xuân Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Đ và bà H đều thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau từ tháng 9/2023 cho đến nay. Lời khai các bên và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ sự bất đồng, không chia sẻ, thống nhất được với nhau về quản lý kinh tế, công việc làm ăn, chi tiêu và nợ nần. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài nhưng vợ chồng không trao đổi với nhau để giải quyết trên cơ sở bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm yêu thương giữa các thành viên trong gia đình mà bỏ mặc nhau, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, sâu sắc hơn. Sau khi ông Đ khởi kiện ly hôn và sau các phiên hòa giải tại Tòa án, bà H không đồng ý ly hôn nhưng vẫn không đưa ra được giải pháp nào để ông Đ chấp nhận hàn gắn tình cảm. Như vậy, giữa

vợ chồng ông Đ và bà H đã không thực hiện nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Xuân Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Thu H.

[2.3] Về con chung: Ông Hoàng Xuân Đ và bà Đỗ Thị Thu H có 02 người con chung là Hoàng Hải Bảo L, sinh ngày 18/10/1995 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/7/2003.

Xét thấy cả hai người con chung của vợ chồng đều đã thành niên, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên hai ông bà không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Hoàng Xuân Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Thu H. Quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 người con chung là Hoàng Hải Bảo L và Hoàng Ngọc Bảo T đều đã thành niên, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên không giải quyết nghĩa vụ nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kháng c̣ yú cầu nín Hội đồng xĩ xử khĩng xem xĩt.

4. Về án phí: Ông Hoàng Xuân Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003496 ngày 26/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn c̣ quyền kháng cáo bản án nầy trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi Cục THADS thành phố Huế;
- UBND P. Hương Văn, thị xã Hương Trà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Như Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trục Trần Thị Bích T1

Hoàng Thị Như T2

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)